

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc (viết tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4202000103 ngày 10/5/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800345732 ngày 24/01/2008, thay đổi bổ sung lần thứ 05 ngày 15/9/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800345732 thay đổi lần thứ 5 ngày 15/9/2022 là: 260.213.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Minh Trung	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 12/8/2022)
Ông Đỗ Hữu Phước	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 12/8/2022)
Ông Nguyễn Văn Cường	Thành viên
Ông Phan Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thạc	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Xiêm	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thanh Nga	Trưởng ban
Ông Lê Thanh Ngọc	Thành viên
Ông Triệu Kim Thủy	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 25/6/2022)
Bà Đỗ Thị Thu Hà	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 25/6/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty, cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc

Bảo Lộc, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Số: 88/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc được lập ngày 20 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue ink handwritten signature.

Vũ Ngọc Ân**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2023

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		517.651.195.196	405.216.395.852
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.779.214.088	13.071.731.997
1. Tiền	111		12.779.214.088	13.071.731.997
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	461.000.000.000	352.185.506.849
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		461.000.000.000	352.185.506.849
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.222.751.912	30.668.957.925
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	17.067.741.970	19.335.317.603
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.870.597.165	334.745.559
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	12.284.412.777	10.998.894.763
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	7.964.764.526	8.572.215.037
1. Hàng tồn kho	141		7.964.764.526	8.572.215.037
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.684.464.670	717.984.044
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	1.684.464.670	717.984.044
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		330.295.354.890	358.938.280.218
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		312.184.718.254	331.310.499.085
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	312.184.718.254	331.310.499.085
- Nguyên giá	222		602.365.649.346	602.398.908.089
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(290.180.931.092)	(271.088.409.004)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.110.636.636	27.627.781.133
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	9.042.471.336	18.283.818.933
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		9.068.165.300	9.343.962.200
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		847.946.550.086	764.154.676.070

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		22.302.781.113	19.678.447.496
I. Nợ ngắn hạn	310		22.302.781.113	19.678.447.496
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	754.564.705	2.108.305.523
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	9.472.848.124	7.614.663.364
3. Phải trả người lao động	314		7.450.016.000	7.268.305.010
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	1.477.458.936	1.484.862.156
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	146.613.712	208.863.307
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.001.279.636	993.448.136
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		825.643.768.973	744.476.228.574
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	825.643.768.973	744.476.228.574
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		260.213.000.000	260.213.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		260.213.000.000	260.213.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		230.000.000	230.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.826.450.000	9.826.450.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		555.374.318.973	474.206.778.574
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		469.818.778.574	393.268.522.775
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		85.555.540.399	80.938.255.799
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		847.946.550.086	764.154.676.070

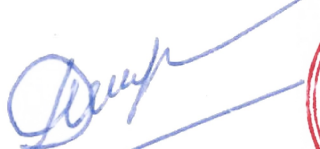
Bảo Lộc, ngày 20 tháng 02 năm 2023
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Thúy



Nguyễn Đức Anh



Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	171.236.258.922	162.645.354.526
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		171.236.258.922	162.645.354.526
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	77.881.468.225	75.634.420.710
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		93.354.790.697	87.010.933.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	15.333.668.347	10.967.368.204
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	15.704.576.846	12.765.191.594
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		92.983.882.198	85.213.110.426
11. Thu nhập khác	31	6.5	250.215.051	1.000.000
12. Chi phí khác	32	6.5	-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		250.215.051	1.000.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		93.234.097.249	85.214.110.426
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	4.678.556.850	4.275.854.627
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		88.555.540.399	80.938.255.799
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	3.288	2.942

Người lập

Trần Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Anh

Bảo Lộc, ngày 20 tháng 02 năm 2023
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		187.513.057.850	177.555.145.698
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.967.802.470)	(23.544.929.756)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(25.430.665.319)	(23.057.028.228)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(3.475.854.627)	(4.024.297.552)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		93.939.897	37.920.000
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(41.248.494.383)	(33.660.387.328)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		95.484.180.948	93.306.422.834
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.169.500.000)	(1.575.381.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		278.974.512	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(253.380.349.717)	(142.185.506.849)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		144.565.856.566	51.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.928.319.782	10.086.132.798
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(95.776.698.857)	(82.674.755.869)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(292.517.909)	10.631.666.965
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		13.071.731.997	2.440.065.032
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	5.1	12.779.214.088	13.071.731.997

Bảo Lộc, ngày 20 tháng 02 năm 2023
Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng





Trần Thị Thanh Thúy

Nguyễn Đức Anh

Nguyễn Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần VRG - Bảo Lộc, tiền thân là Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư số 4202000103 ngày 10/5/2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp. Năm 2008, Công ty TNHH B.O.T Thủy điện Bảo Lộc chuyển đổi mô hình hoạt động sang công ty cổ phần và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 5800345732 ngày 24/01/2008, thay đổi bổ sung lần thứ 05 ngày 15/9/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800345732 thay đổi lần thứ 5 ngày 15/9/2022 là 260.213.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm sáu mươi tỷ, hai trăm mười ba triệu đồng*).

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 64 người (tại ngày 31/12/2021 là 64 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, kinh doanh thủy điện;
- Xây dựng công trình: Giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, thủy điện;
- Sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng;
- Đào tạo nhân công vận hành nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Kinh doanh điện và đào tạo công nhân vận hành nhà máy điện.

1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để dự trữ không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn: Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho (Tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Do đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh điện, giá vốn được ghi nhận toàn bộ theo thực tế mà Công ty phải bỏ ra để sản xuất được số lượng sản phẩm điện (Kw) để bán, không có chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 10
Máy móc thiết bị	10 - 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05

Ngoài phương pháp khấu hao đường thẳng, Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm theo hướng dẫn trích khấu hao tại Công văn số 526/CT-KTrT ngày 10/3/2011 của Cục thuế tỉnh Lâm Đồng. Cụ thể:

- Tuabin và thiết bị phụ trợ;
- Máy phát điện, máy biến áp;
- Cầu trục nhà máy;
- Thiết bị cơ khí thủy công;
- Hệ thống thông tin liên lạc và phòng cháy chữa cháy nhà máy.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả.
- Chi phí trích trước dịch vụ môi trường rừng, chi phí này được trích dựa vào thông báo phí dịch vụ môi trường rừng hằng năm.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán điện.

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng điện (xác định theo chỉ số trên công tơ điện) và Giá bán điện được áp dụng theo Biểu giá chi phí tránh được do Cục Điều tiết điện lực công bố hàng năm hoặc theo sự điều chỉnh, quy định của Bộ Công thương Việt Nam tại từng thời điểm.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh từ năm 2014 đến năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động chính của Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	687.520.016	1.073.720.881
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.091.694.072	11.998.011.116
Tổng	12.779.214.088	13.071.731.997

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn	461.000.000.000	461.000.000.000	352.185.506.849	352.185.506.849
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bảo Lộc	400.000.000.000	400.000.000.000	313.000.000.000	313.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Nai	24.000.000.000	24.000.000.000	29.000.000.000	29.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP.HCM	-	-	10.185.506.849	10.185.506.849
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phú Yên	37.000.000.000	37.000.000.000	-	-
Tổng	461.000.000.000	461.000.000.000	352.185.506.849	352.185.506.849

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	17.067.741.970	19.335.317.603
Tổng	17.067.741.970	19.335.317.603

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ và Năng lượng Kiên Phát	3.279.295.800	-
Công ty TNHH XD điện Bách khoa	1.134.745.559	334.745.559
Các khoản trả trước cho người bán khác	456.555.806	-
Tổng	4.870.597.165	334.745.559

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tạm ứng	197.175.462	173.350.262
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư Nhà máy Thủy điện (*)	6.849.590.741	6.849.590.741
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.737.646.574	3.332.298.009
Phải thu khác	500.000.000	643.655.751
Tổng	12.284.412.777	10.998.894.763

(*) Khoản hỗ trợ lãi vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lâm Đồng phải cấp theo Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư số 01/2010/HĐHTSDT-NHPT ngày 30/8/2010.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.603.756.708	-	8.285.729.219	-
Công cụ, dụng cụ	361.007.818	-	286.485.818	-
Tổng	7.964.764.526	-	8.572.215.037	-

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	1.684.464.670	717.984.044
Công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí khác	738.631.731	302.031.457
Chi phí sửa chữa	945.832.939	415.952.587
Dài hạn	9.042.471.336	18.283.818.933
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, thay thế thiết bị	8.505.529.636	16.568.024.252
Công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí khác	536.941.700	1.715.794.681
Tổng	10.726.936.006	19.001.802.977

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hìnhĐơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2022	405.216.319.928	140.590.852.169	56.356.836.510	234.899.482	602.398.908.089
Tăng trong năm	-	-	1.169.500.000	-	1.169.500.000
Mua trong kỳ	-	-	1.169.500.000	-	1.169.500.000
Giảm trong năm	-	-	1.202.758.743	-	1.202.758.743
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.202.758.743	-	1.202.758.743
Số dư tại 31/12/2022	405.216.319.928	140.590.852.169	56.323.577.767	234.899.482	602.365.649.346
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2022	152.254.883.529	73.740.512.761	44.957.429.392	135.583.322	271.088.409.004
Tăng trong năm	12.662.035.737	6.157.081.245	1.451.290.753	24.873.096	20.295.280.831
Khấu hao trong năm	12.662.035.737	6.157.081.245	1.451.290.753	24.873.096	20.295.280.831
Giảm trong năm	-	-	1.202.758.743	-	1.202.758.743
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.202.758.743	-	1.202.758.743
Số dư tại 31/12/2022	164.916.919.266	79.897.594.006	45.205.961.402	160.456.418	290.180.931.092
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	252.961.436.399	66.850.339.408	11.399.407.118	99.316.160	331.310.499.085
Tại ngày 31/12/2022	240.299.400.663	60.693.258.163	11.117.616.365	74.443.064	312.184.718.254

Trong đó:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 43.407.986.653 VND (Tại ngày 01/01/2022 là 43.869.917.651 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Vũ Văn Lợi - Lâm Đồng	-	-	1.397.795.993	1.397.795.993
Công ty truyền tải Điện 3	348.671.128	348.671.128	312.693.000	312.693.000
Công ty TNHH Thanh Thanh Bình	-	-	98.576.400	98.576.400
Phải trả cho các đối tượng khác	405.893.577	405.893.577	299.240.130	299.240.130
Tổng	754.564.705	754.564.705	2.108.305.523	2.108.305.523

5.10 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Phải nộp	7.614.663.364	34.387.112.373	32.528.927.613	9.472.848.124
Thuế giá trị gia tăng	3.120.446.146	12.644.670.901	10.148.188.337	5.616.928.710
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.175.854.627	4.678.556.850	3.475.854.627	2.378.556.850
Thuế thu nhập cá nhân	652.265.316	859.043.639	866.328.612	644.980.343
Thuế tài nguyên	2.666.097.275	14.059.054.994	15.892.770.048	832.382.221
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	287.362.989	287.362.989	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên	-	1.729.923.000	1.729.923.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	128.500.000	128.500.000	-

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Trích trước chi phí dịch vụ môi trường rừng	1.477.458.936	1.484.862.156
Tổng	1.477.458.936	1.484.862.156

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	43.840.000	89.184.595
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	62.375.952	62.375.952
Phải trả, phải nộp khác	40.397.760	57.302.760
Tổng	146.613.712	208.863.307

CÔNG TY CỔ PHẦN VRG - BẢO LỘC

Số 263 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Vốn chủ sở hữu**a) Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	398.445.476.075	668.714.926.075
Lãi trong năm trước	-	-	-	80.938.255.799	80.938.255.799
Trích lập các quỹ	-	-	-	(5.176.953.300)	(5.176.953.300)
Số dư tại ngày 31/12/2021	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	474.206.778.574	744.476.228.574
Số dư tại ngày 01/01/2022	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	474.206.778.574	744.476.228.574
Lãi trong năm nay	-	-	-	88.555.540.399	88.555.540.399
Trích lập các quỹ (i)	-	-	-	(4.388.000.000)	(4.388.000.000)
Tạm trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2022	260.213.000.000	230.000.000	9.826.450.000	555.374.318.973	825.643.768.973

(i) Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2022.

(ii) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Số trích lập chính thức sẽ được hạch toán bổ sung (nếu có) sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	184.826.100.000	184.826.100.000
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	25.765.220.000	25.765.220.000
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	22.981.560.000	22.981.560.000
Cổ đông khác	26.640.120.000	26.640.120.000
Tổng	260.213.000.000	260.213.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	260.213.000.000	260.213.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	260.213.000.000	260.213.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.021.300	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.021.300	26.021.300
Cổ phiếu phổ thông	26.021.300	26.021.300
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.021.300	26.021.300
Cổ phiếu phổ thông	26.021.300	26.021.300
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e) Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.826.450.000	9.826.450.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán điện	171.236.258.922	162.645.354.526
Tổng	171.236.258.922	162.645.354.526

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán điện	77.881.468.225	75.634.420.710
Tổng	77.881.468.225	75.634.420.710

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.333.668.347	10.967.368.204
Tổng	15.333.668.347	10.967.368.204

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.666.459.202	8.746.244.036
Chi phí vật liệu quản lý	937.052.473	639.567.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	823.743.301	685.010.902
Thuế phí và lệ phí	291.362.989	316.848.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.215.287.907	749.514.076
Chi phí bằng tiền khác	2.770.670.974	1.628.006.741
Tổng	15.704.576.846	12.765.191.594

6.5 Lợi nhuận khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	250.215.051	-
Thu nhập khác	-	1.000.000
Tổng	250.215.051	1.000.000
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Lợi nhuận khác	250.215.051	1.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.6 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	93.234.097.249	85.214.110.426
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm	337.039.757	302.982.120
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	93.571.137.006	85.517.092.546
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.357.113.701	8.551.709.255
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm (50%)	(4.678.556.851)	(4.275.854.628)
Tổng	4.678.556.850	4.275.854.627

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	88.555.540.399	80.938.255.799
Các khoản điều chỉnh	(3.000.000.000)	(4.388.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	85.555.540.399	76.550.255.799
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	26.021.300	26.021.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.288	2.942

Trình bày lại Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021:

Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 trên lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2022. Theo đó, “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo VND	Số trình bày lại VND	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	80.938.255.799	80.938.255.799	-
Các khoản điều chỉnh	-	(4.388.000.000)	(4.388.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	80.938.255.799	76.550.255.799	(4.388.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	26.021.300	26.021.300	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.110	2.942	(169)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.142.675.010	1.044.451.223
Chi phí nhân công	23.647.654.825	21.725.290.886
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.295.280.831	19.631.003.048
Thuế phí lệ phí	291.362.989	316.848.384
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.269.284.545	19.687.183.616
Chi phí khác bằng tiền	28.939.786.871	25.994.835.147
Tổng	93.586.045.071	88.399.612.304

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

a) Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4 - CTCP	Cổ đông lớn
Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	

b) Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

<u>Bên liên quan</u>	<u>Nội dung giao dịch</u>	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thù lao, lương và thu nhập khác	1.825.740.000	1.677.600.000

7.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Người lập

Trần Thị Thanh Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Anh

Bảo Lộc, ngày 20 tháng 02 năm 2023
Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Cường